

Bản án số: 689/2022/DSST.
Ngày 14 tháng 11 năm 2022.
“V/v Đòi lại quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.
2. Ông Huỳnh Văn Bé.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Tiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 512/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “Đòi lại quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 513/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 576/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 584/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị N, sinh năm: 1954; (có mặt)

Địa chỉ: số 2A/3^E, đường NDC, phường A, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trợ giúp pháp lý cho bà N có Luật sư Huỳnh K Th – Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: 4E, đường NTP, phường G, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1/ Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1965; (có mặt)

Địa chỉ: số 948 Quốc Lộ 22, ấp Phước Lộc, xã PT, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Ngô Thị L, sinh năm: 1960. (có mặt)

Địa chỉ: số 1A, đường 4C, tổ A, ấp PL, xã PT, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày:

Năm 1999, Bà có mua 01 căn nhà ở ấp MĐ, xã PT, huyện Cử Chi của ông Nguyễn Văn Bạng, sinh năm: 1940, mua bằng giấy tay vì đất này chưa có giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất. Đến năm 2013, được ông Phó Chủ tịch Nguyễn Việt Dũng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555, ngày 24/10/2013 đối với phần đất diện tích 124,8 m² thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT. Năm 2015, nhà bà bị sập, năm 2016 ông T chiếm đất của bà dùng cây làm hàng rào, rào đất bà lại. Năm 2017, Ủy ban nhân dân xã PT đến đo đạc cho bà xây hàng rào tạm để giữ đất nhưng ông T đã đập phá. Năm 2018, Ông T dùng hàn gió đá hàn thành 01 khung nhà tiền chế trên đất bà và khung cửa khóa lại.

Năm 2019, Bà muốn thợ tháo dỡ nhưng ông T lại hàn dính lại nữa. Nay, bà yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả lại diện tích nhà đất cho bà là phần đất diện tích 124,8 m², trị giá 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) và tháo dỡ tất cả những gì đã xây dựng trên đất của bà.

Ngày 22/6/2022, Bà N có đơn khởi kiện bổ sung như sau: Năm 1999, Bà có mua và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà là Trương Thị N, phần đất có diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi. Khi bà mua hiện trạng là đất trống, do bà ở xa nên ông T và bà L lợi dụng việc này tự ý xây dựng trái phép, chiếm đất bà để ở. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà L trả lại đất cho bà nhưng ông T, bà L đá qua đá lại không trả đất cho bà và lén lút mỗi ngày xây dựng một ít chiếm đất bà để ở, việc xây dựng của ông T và bà L là không phép. Nay, Bà yêu cầu Tòa án nhân dân Củ Chi buộc bà Ngô Thị L hoàn trả lại cho bà phần đất có diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà là Trương Thị N, trả hiện trạng đất trống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn T trình bày:

Nguyên gia đình ông có phần đất do cha mẹ ông là ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị G khai phá trước năm 1975, trồng lúa. Cha mẹ mất để lại cho các con gồm:

- 1/ Ngô Thị G, sinh năm: 1958, làm nội trợ.
- 2/ Ngô Thị Đ, sinh năm: 1980, cán bộ công an.
- 3/ Ngô Văn P, liệt sĩ.
- 4/ Ngô Thị L, sinh năm: 1960, mua bán.
- 5/ Ngô Thị D, sinh năm: 1962, mua bán.
- 6/ Ngô Văn T, sinh năm: 1965, lái xe.

Ruộng thuộc ấp MĐ, xã PT, huyện Củ Chi, thời gian qua đã làm ruộng, đến năm 1982, thời bao cấp thì có các hộ không có đất xin ra đắp nền để ở tạm, gia đình đã bán cho các hộ như Võ Văn Mãng, thời đó Chủ tịch Võ Văn Sáng đã ký vào tờ ủy quyền ngày 15/8/1989; Bán cho Trần Thị Kim Hanh; Nguyễn Văn Nhe đã lần ở, chia cho con là Nguyễn Thị Bích Phượng và Nguyễn Thị Nương (hộ tranh chấp).

Thân Thị Phô và cho lập tại ngã ba Đồng Chùa, đường Võ Văn Điều cho đến Nguyễn Văn Hớn, phần này cũng cho em tôi.

Phần đất này cha để lại không đăng ký vì đất này có quy hoạch Nhà nước. Đến năm 2012, Nhà nước đã cho đăng ký thì đã ủy quyền cho chị Ngô Thị L đăng ký với hộ gia đình của xã PT, nên gia đình tranh chấp với các hộ nằm trong phần đất của gia đình ông mà chưa có kết quả.

Đến năm 2017, Bà Trương Thị N đã vào đất ông đổ vật liệu làm hàng rào, ông và chị ông, bà L ngăn cản không cho làm và được xã PT giải hòa không thành cho tới nay.

Bà N khởi kiện chị em ông trong đơn hòa giải không có chứng cứ và bà ghi năm 2014 bà làm hàng rào sai sự thật, thửa đất ghi trong hòa giải là thửa 83 nhưng tới bản vẽ đo là thửa 93 sai sự thật. Vậy chị em ông nhờ các ban ngành làm rõ sự việc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị L trình bày:

Nguyên cha bà Ngô Văn B và mẹ Nguyễn Thị G, cha mẹ mất trước năm 1975 có khai phá thửa đất thuộc ấp MĐ từ ngã ba Võ Văn Điều cập Quốc Lộ 22 đến bà Út Sốt là hai đám ruộng làm lúa, cha bà có đăng ký năm 1982, Chủ Tịch xã PT là Võ Văn Sáng và Võ Văn Mảng đang nhiệm kỳ và thẩm quyền chưa cho đăng ký vì đất quy hoạch chợ, bến xe nên không cho đăng ký. Năm 1989, bán cho ông Võ Văn Mảng từ ngã bà Đồng Chùa đến đường đất là khoảng 1.446 m² có giấy tặng cho Võ Văn Sáng ký giấy ủy quyền và bán cho chị Thân Thị Kim Hanh là 165,6 m² là đất không lấn chiếm; Nguyễn Văn Nhe là ngang 06 mét, dài 22 mét giờ lấn chiếm của gia đình bà, đang tranh chấp chưa kết quả.

Năm 1990, ông Cao Quang Vinh có ra xin ở đậu thời gian trồng củ và rau, đến năm 2013 địa phương cho đăng ký quyền sử dụng đất, các hộ lấn chiếm đất của gia đình bà Muôn chiếm luôn, xã cho đăng ký, bà được 05 chị em ủy quyền tranh chấp các hộ như Nguyễn Văn Nhe, cha của Nguyễn Thị Bích Thủy và Nguyễn Thị Hồng Nương; Ông Cao Quang Vinh, bà đã làm đơn khiếu nại và ngăn cản địa phương ngày 20/7/2013. Trước các hộ mà đã đo đạc, đăng ký, niêm yết đưa về huyện Củ Chi. Trong khi tranh chấp các hộ như bà Trương Thị N không có ra tranh chấp với bà cho đến năm 2017, bà N đổ vật liệu làm hàng rào, bà và em bà ngăn cản và xã mời hòa giải cho đến năm 2020 bà N đã khởi kiện bà.

Nay, Bà trình với Tòa án nhân dân và các thẩm quyền xem xét các tình tiết và quyền lợi hợp pháp công dân và nguồn gốc. Bà trình các đơn tranh chấp các hộ và huyện đã thanh tra rồi, trình các thẩm quyền xử lý cho kết quả.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bà Trương Thị N trình bày:

Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc ông T và bà L giao trả lại cho bà phần đất diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà là Trương Thị N mà ông T và bà L đã lấn chiếm, sử dụng; Buộc ông T và bà L tháo dỡ những công trình xây dựng trên phần đất diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà là Trương Thị N, giao trả lại hiện trạng đất trống cho bà; Buộc ông T và bà L hoàn trả cho bà chi phí tố tụng gồm chi phí bản vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ,... mà bà đã tạm ứng trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn, ông T trình bày: Phần đất mà bà N tranh chấp với ông có nguồn gốc là của cha mẹ ông, không biết vì sao bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở hợp thức hóa đất nhưng thực tế bà N không có ở trên phần đất này, ông yêu cầu Tòa án xác minh nguồn gốc đất xem việc cấp giấy đất cho bà N đúng hay sai. Trên phần đất bà N đang tranh chấp tôi có trồng mấy trụ sắt làm giàn, ngoài ra không có xây dựng gì thêm và những công trình này do tôi tự ý làm, không có xin phép ai hay xin phép chính quyền địa phương.

Bị đơn, bà L trình bày: Phần đất mà bà N tranh chấp với bà có nguồn gốc là của cha mẹ bà, bà đang khiếu nại, tranh chấp với những người đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có bà N, bà N không ở trên đất nhưng vẫn được cấp giấy đất dựa trên

hình thức canh tác, sử dụng ổn định lâu dài. Bà không đồng ý giao trả lại cho bà N phần đất trên.

Trợ giúp pháp lý cho bà N, ông Huỳnh K Th trình bày:

Tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Đòi lại quyền sử dụng đất”, bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi đối với phần đất diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi đúng theo quy định của pháp luật; Trong quá trình hòa giải, công khai chứng cứ ông T và bà L không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà N; Ông T, bà L tự ý xây dựng, lấn chiếm đất của bà N và những công trình xây dựng này không có phép. Từ những căn cứ trên, Tôi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:

- Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, kiến nghị Thẩm phán xem xét khắc phục.

- Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu của nguyên đơn, nội dung tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N yêu cầu ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị L trả lại cho bà N phần đất diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà là Trương Thị N. Đây là tranh chấp về dân sự, quan hệ tranh chấp là tranh chấp Đòi lại quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh và bị đơn ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị L cũng đang cư trú tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông T, bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T, bà L không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Bà N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc ông T và bà L giao trả lại cho bà N phần đất diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà là Trương Thị N mà ông T và bà L đã lấn chiếm, sử dụng; Buộc ông T và bà L tháo dỡ những công trình xây dựng trên phần đất diện tích

124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà là Trương Thị N, giao trả lại hiện trạng đất trống cho bà; Buộc ông T và bà L hoàn trả cho bà chi phí tố tụng gồm chi phí bản vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ,... mà bà đã tạm ứng trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Sau khi xem xét tất cả các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến nội dung vụ án tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; Phiếu trả lời xác minh của Công an xã PT; Phiếu trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã PT; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi; Bản vẽ hiện trạng vị trí xác định hiện trạng trên phần đất đang tranh chấp không có ai sinh sống, cư trú và những công trình xây dựng trên đất không được Nhà nước cấp phép xây dựng, những người xây dựng công trình này là ông T và bà L xây dựng trên phần đất diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà Trương Thị N. Quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Đòi lại quyền sử dụng đất” và những công trình xây dựng trên đất là xây dựng không phép, không được sự đồng ý của chủ sở hữu, do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải định giá đất, định giá những công trình xây dựng trên đất khi tiến hành xét xử vụ kiện này là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc ông T và bà L giao trả lại cho bà N phần đất diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà là Trương Thị N mà ông T và bà L đã lấn chiếm, sử dụng; Buộc ông T và bà L tháo dỡ những công trình xây dựng trên phần đất diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT, huyện Củ Chi thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp theo bản vẽ hiện trạng, vị trí do Công ty TNHH MTV Thiết kế - Xây dựng - Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập ngày 15/01/2021 là có cơ sở chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và toàn bộ chi phí tố tụng mà phía nguyên đơn đã tạm ứng gồm: chi phí đo vẽ, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ,... với tổng chi phí là 10.623.992 đồng (Mười triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn chín trăm chín mươi hai đồng) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000497 ngày 21/01/2021 của Công ty TNHH MTV Thiết kế - Xây dựng - Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh và phiếu thu, chi ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi. Hoàn cảnh gia đình bà N neo đơn, khó khăn, bản thân bà già yếu mà phải ứng ra một số tiền tương đối lớn để theo đuổi vụ kiện; Ông T, bà L không có thiện chí giải quyết vụ kiện, cố ý kéo dài do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T, bà L hoàn trả chi phí tố tụng trên cho bà N 01 lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận. Do hồ sơ nhiều, thiếu Thư ký và tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp nên vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nghiêm chỉnh tiếp thu và sẽ khắc phục trong thời gian tới.

Quan điểm của Luật sư trợ giúp pháp lý cho bà N có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, là tranh chấp không có giá ngạch. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 1, 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Ông T, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều: 163, 164, 166, 185, 189, 190 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 5, 166, 168, 170, 202 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N.
2. Buộc ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị L giao trả lại cho bà N phần đất diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT theo bản vẽ hiện trạng, vị trí do Công ty TNHH MTV Thiết kế - Xây dựng - Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập ngày 15/01/2021, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà Trương Thị N ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.
3. Buộc ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị L tháo dỡ toàn bộ những công trình xây dựng trên phần đất diện tích 124,8 m² thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc tại xã PT theo bản vẽ hiện trạng, vị trí do Công ty TNHH MTV Thiết kế - Xây dựng - Đo đạc Bản đồ Hoàng Thịnh lập ngày 15/01/2021, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02555 ngày 24/10/2013 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà Trương Thị N, trả lại hiện trạng đất trống cho bà Trương Thị N ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.
4. Buộc ông Ngô Văn T hoàn trả cho bà Trương Thị N số tiền là 5.311.996 đồng (Năm triệu ba trăm mười một nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng), là một nửa chi phí tố tụng mà bà N đã tạm ứng, hoàn trả 01 lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.
5. Buộc bà Ngô Thị L hoàn trả cho bà Trương Thị N số tiền là 5.311.996 đồng (Năm triệu ba trăm mười một nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng), là một nửa chi phí tố tụng mà bà N đã tạm ứng, hoàn trả 01 lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.
6. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn T và bà Ngô Thị L mỗi người phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (19b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

